TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG H** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 216/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11/12/2023
V/v "Ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG H, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Như Ý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Hoàng.

2. Ông Lê Văn Lil.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mộng Nghi là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H tham gia phiên toà:

Ông Đặng Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 506/2023/TLST – HNGĐ, ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2023/QĐXX-ST ngày 07 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cao Thị L, sinh năm 1983;

Bị đơn: Anh Lê Minh Q, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: ấp B, xã L, huyện Đông H, tỉnh B.

(Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Q vắng mặt lần thứ 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/8/2023 và các lời khai trong quá trình tố tụng chị Cao Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2004 anh chị tự nguyện yêu thương chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban xã Long Điền Tây, huyện Đông H, tỉnh B.

Nguyên nhân ly hôn: Do mâu thuẫn, cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và hiện anh chị đã sống ly thân, trong thời gian sống ly thân anh chị cũng không có biện pháp để hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Nay chị xác định không còn tình cảm, không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Lê Mẫn Trường, sinh ngày

06/02/2005 và Lê Minh Trọng, sinh ngày 10/6/2008, hiện đang sống với chị L. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H, tỉnh B phát biểu quan điểm cho rằng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Nội dung:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cho chị Cao Thị L được ly hôn với anh Lê Minh Q.

Về con chung: Giao con chung tên Lê Mẫn Trường, sinh ngày 06/02/2005 và Lê Minh Trọng, sinh ngày 10/6/2008 cho chị Cao Thị L nuôi dưỡng, hiện chị L đang nuôi dưỡng được giữ nguyên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét.

Anh Lê Minh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Chị Cao Thị L phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H về tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Cao Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Minh Q, có địa chỉ cư trú tại ấp Bình Điền, xã Long Điền Tây, huyện Đông H, tỉnh B. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh B.

Chị Cao Thị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; anh Lê Minh Q vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2004 anh chị tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đã triệu tập anh Lê Minh Q nhiều lần nhưng anh Q vắng mặt không lý do. Do dó, anh tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng của anh, nên cần chấp nhận theo lời trình bày của chị L. Theo chị L xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã và tình cảm không còn, không còn khả năng hàn gắn. Xét thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp.

Về con chung: Trong thời gian chị L và anh Q sống ly thân thì con chung do chị L nuôi dưỡng nên cần tiếp tục giao cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp.

Chị Cao Thị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Anh Lê Minh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Chị Cao Thị L phải nộp án phí số tiền 300.000đ, chị L đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0009504 ngày 04/10/2023 được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Cho chị Cao Thị L được ly hôn với anh Lê Minh Q.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Mẫn Trường, sinh ngày 06/02/2005 và Lê Minh Trọng, sinh ngày 10/6/2008 cho chị Cao Thị L nuôi dưỡng, hiện chị L đang nuôi dưỡng được giữ nguyên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét.

Anh Lê Minh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ: Không có nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Chị Cao Thị L phải nộp án phí số tiền 300.000đ, chị L đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0009504 ngày 04/10/2023 được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện Đông H;
- Chi Cục THA.DS huyện Đông H;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Thị Như Ý